

Bản án số: 24/2022/HC-ST  
Ngày 23-8-2022  
V/v khiếu kiện quyết định  
thu hồi GCNQSDĐ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Đức Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Vân và ông Điều Hồng Sinh Rla Yang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 23-8-2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 28/2022/TLST-HC ngày 01-4-2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2022/QĐXXST-HC ngày 03-8-2022, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Đoàn Đức B; địa chỉ: Tổ A, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung X; địa chỉ: Tổ B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Chí T – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở - Có đơn xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Bà Nguyễn Thị H; Tổ A, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**3.2.** Bà Nông Thị T; địa chỉ: Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà T: Ông Nguyễn Trung X; địa chỉ: Tổ B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1.** Theo đơn khởi kiện ngày 10-3-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 22-5-2020, ông Đoàn Đức B nhận chuyển nhượng của bà Nông Thị T 889m<sup>2</sup> đất. Ngày 02-6-2020, ông B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CR 968735, thửa 1031, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại bon U, thị trấn E, huyện C. Đầu tháng 4 năm 2021, ông B nhận được Quyết định số: 504/QĐ -TNMT ngày 29-3-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ về việc thu hồi GCNQSDĐ của 05 hộ gia đình, trong đó có ông B, lý do: GCNQSDĐ cấp sau thời điểm UBND huyện C ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu dân cư tập trung tổ B, thị trấn E, huyện C. Tuy nhiên, việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông B là không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên hủy một phần Quyết định số: 504/QĐ-UBND ngày 29-3-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông B.

## *2. Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường trình bày:*

Ngày 22-5-2020, bà Nông Thị T nộp hồ sơ thực hiện việc chuyển nhượng cho 04 hộ gia đình, cá nhân. Song, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C không nhận được Thông báo số: 46/TB-UBND ngày 20-5-2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư tập trung tổ B, thị trấn E, do đó khi nhận hồ sơ từ bộ phận Một cửa, Chi nhánh đã thực hiện theo quy định và trình Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ cho 04 hộ, trong đó có ông Đoàn Đức B. Sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ban hành Thông báo số: 28/TB-STNMT ngày 26-02-2020 về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp không đủ điều kiện, các hộ dân đã bàn giao lại các GCNQSDĐ. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ban hành ban hành Quyết định số: 504/QĐ-UBND ngày 29-3-2021, lý do: GCNQSDĐ cấp sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 05-8-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ngày 18-5-2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C lý hợp đồng đo vẽ, tách thửa đất với bà T. Ngày 22-5-2020, bà T và ông B ký hợp đồng chuyển nhượng đất đã được công chứng. Ngoài ra, Thông báo thu hồi đất số: 46/TB-UBND ngày 20-5-2020 của Ủy ban nhân dân huyện C sau khi đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông B và các hộ gia đình khác. Mặt khác, Thông báo số: 46/TB-UBND ngày 20-5-2020 của UBND huyện C không ghi nhận ranh giới, bản trích đo, diện tích đất của bà T bị thu hồi chỉ dự kiến thu hồi 1000m<sup>2</sup>, trong khi GCNQSDĐ của bà T được cấp 6.706m<sup>2</sup> là không đúng quy định tại Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi GCNQSDĐ của các hộ gia đình trong đó có ông B khi chưa có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp là vi phạm khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Bà Nông Thị T thực

hiện thủ tục tách thửa đất và chuyển quyền sử dụng đất cho người khác, trong đó có ông Đoàn Đức B và đã được cấp GCNQSDĐ là không trái với Điều 100, Điều 188 và các quy định khác của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 để ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của 05 hộ gia đình, trong đó có ông B là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; khoản 26 Điều 1 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18-12-2020. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đức B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29-3-2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 504/QĐ-UBND “*Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của các chủ sử dụng đất tại huyện C*”. Ngày 10-3-2022, ông Đoàn Đức B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần quyết định trên, trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính, vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết.

[2]. Hội đồng xét xử nhận định đối với Quyết định số: 504/QĐ-UBND, ngày 29-3-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ “*Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của các chủ sử dụng đất tại huyện C*”:

[2.1]. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 968735, thửa 1031, tờ bản đồ số 07, diện tích 889m<sup>2</sup>, tọa lạc tại bon U, thị trấn E, huyện C đối với ông Đoàn Đức B, cụ thể:

[2.1.1]. Ngày 05-12-2016, bà Nông Thị T được cấp GCNQSDĐ số hiệu CD 942711, thửa số 14, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.720m<sup>2</sup>. Đến ngày 14-5-2020 bà T được cấp đổi GCNQSDĐ số hiệu CR 968515, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.706m<sup>2</sup>, tọa lạc tại bon U, thị trấn E. Tại Điều 6 “*Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*” ban hành kèm theo Quyết định số: 22/2019/QĐ-UBND ngày 05-8-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, quy định các trường hợp không được tách thửa: “*Đất thuộc phạm vi thực hiện dự án đầu tư đã có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”. Ngày 20-5-2020, UBND huyện C ban hành Thông báo số: 46/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án. Tuy nhiên, ngày 18-5-2020, giữa bà Nông Thị T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hợp đồng đo đạc trích đo tách thửa đất (bút lục số 51). Ngày 22-5-

2020, giữa bà T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, kết quả đo đạc địa chính tách thửa đất số 14, tờ bản đồ số 07 thành 05 thửa đất: có số thứ tự từ 1031 đến 1035 (bút lục số 52). Danh sách giao Thông báo thu hồi đất (cho các hộ có đất bị thu hồi, trong đó có bà T), không thể hiện cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện: không ghi nhận thời gian giao nhận cụ thể, trong khi bà T cho rằng nhận được Thông báo thu hồi đất sau khi đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không có tài liệu nào ghi nhận thời điểm Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C biết được Thông báo thu hồi đất số: 46/TB-UBND ngày 20-5-2020 của UBND huyện C.

[2.1.2]. Mặc dù, Quyết định số: 197/QĐ-UBND ngày 13-02-2019, Quyết định số: 639/QĐ-UBND ngày 08-5-2020 và Quyết định số: 269/QĐ-UBND ngày 24-02-2021 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, 2020 và 2021 của huyện C trong đó ghi nhận diện tích 11,655ha dự án Khu dân cư tổ B, thị trấn E thuộc trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng và được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì người sử dụng đất trong khu vực phải chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo kế hoạch được tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất nhưng không được xây dựng mới nhà ở, công trình, trồng cây lâu năm; nếu người sử dụng đất có nhu cầu cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình hiện có thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật”*. Khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này; b) Đất không có tranh chấp; c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; d) Trong thời hạn sử dụng đất”*.

[2.1.3]. Ngày 22-5-2020, giữa bà T và ông B lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số thửa 1031, tờ bản đồ số 07, diện tích 889m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ban U, thị trấn E đã được Văn phòng Công chứng chứng nhận cùng ngày và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C đăng ký vào Sổ địa chính Quyền D 13, thị trấn E (bút lục số 126). Điều 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai”*. Ngày 02-6-2020, ông B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp (GCNQSDĐ) số CR 968735, thửa 1031, tờ bản đồ số 07, diện tích 889m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ban U, thị trấn E, huyện C.

[2.1.4]. Như vậy, thực tế GCNQSDĐ số hiệu CR 968515, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.706m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ban U, thị trấn E cấp cho bà Nông Thị T đã được tách thửa và cấp GCNQSDĐ cho 04 hộ gia đình trên cơ sở các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó có gia đình ông Đoàn Đức B được cấp GCNQSDĐ số CR 968735, thửa 1031, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ban U, thị trấn E.

[2.2]. Khoản 6 Điều 19 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không được cấp GCNQSDĐ, cụ thể: “*Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”. Song, Thông báo thu hồi đất số: 46/TB-UBND ngày 20-5-2020 của UBND huyện C, dự kiến thu hồi của bà T 1000m<sup>2</sup>/6.706m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ, không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 9 của Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 -6-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “*Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất*”, cụ thể: “*Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất gồm: 1. Tờ trình kèm theo dự thảo thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này...2. Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện). 3. Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án*”.

[2.3]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ đã căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, với lý do GCNQSDĐ cấp sau thời điểm UBND huyện C ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu dân cư tập trung tổ B, thị trấn E, huyện C và xác định thuộc trường hợp không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, để ban hành Quyết định số: 504/QĐ-UBND, ngày 29-3-2021 thu hồi 05 GCNQSDĐ, trong đó có GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông B là chưa xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đoàn Đức B.

[2.4]. Tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp thu hồi GCNQSDĐ như sau: “*Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai*”. Khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai quy định: “*Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật này quyết định sau khi đã có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai*”. Mặt khác, khoản 26 Điều 1 của Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 87 của Nghị số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014, quy định: “*Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành*

vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai”.

[2.5]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ có thiếu sót trong việc xác định các trường hợp thu hồi GCNQSDĐ quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, dẫn đến thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và khoản 26 Điều 1 của Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 87 của Nghị số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014. Do đó, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đức B, hủy một phần Quyết định số: 504/QĐ-UBND ngày 29-3-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ về việc thu hồi GCNQSDĐ số CR 968735, thửa 1031, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại bon U, thị trấn E đã cấp cho ông Đoàn Đức B.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho người khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng **điểm d khoản 2 khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đức B, tuyên hủy một phần Quyết định số: 504/QĐ-UBND ngày 29-3-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 968735, thửa 1031, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm; trả lại cho ông Đoàn Đức B 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số: 0000083 ngày 30-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

### Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- UBND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ thụ lý; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

**Lương Đức Dương**